BỨC TRANH NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19[1]

Hồ Hữu Tín, Lê Đức Quang Tú

Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng

Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM

Tóm tắt

Dưới tác động của Covid-19, nền kinh tế Việt Nam cũng như các nền kinh tế khác bị ảnh hưởng nặng nề. Bài viết này tiếp tục cập nhật và mở rộng thêm trên cơ sở báo cáo của Viện Công Nghệ Phát Triển Ngân Hàng về hệ thống ngân hàng Việt Nam vào Q1/2020 (tháng 05/2020) bằng cách tổng hợp và phân tích toàn cảnh ngành ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2020. Nhìn chung, hệ thống ngân hàng đang phải đối mặt với những thách thức, khó khăn bao gồm hiệu quả hoạt động suy giảm, tăng trưởng tín dụng chậm hơn so với cùng kỳ năm ngoái và chi phí huy động vốn vẫn còn cao. Tuy nhiên, với những nỗ lực của cả hệ thống, dẫn đầu là Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thông qua các biện pháp hỗ trợ tích cực và kịp thời, hoạt động ngân hàng cuối quý II/2020 cũng có những điểm tích cực như duy trì nhịp độ tăng của tăng trưởng tín dụng qua từng tháng, đảm bảo nợ xấu dưới 3% theo quy định của NHNN, và thu nhập ngoài lãi có xu hướng tăng. Theo đó, một số khuyến nghị được đưa ra cho NHNN cũng như các ngân hàng thương mại (NHTM) nhằm đảm bảo ổn định của hệ thống và góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế trong trường hợp làn sóng Covid-19 thứ 2 có thể diễn ra.

***Từ khóa**: Ngân hàng, Covid-19, tín dụng, huy động vốn, lợi nhuận, quý II/2020*

1. Sơ lược tác động của đại dịch Covid-19 lên nền kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020

Đại dịch Covid-19 tính đến hiện tại là 1 sự kiện *vô tiền khoáng hậu*, gây ra sự suy thoái kinh tế sâu rộng đối với nền kinh tế trên thế giới, kể cả các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Anh, Cộng đồng chung Châu Âu cũng đang phải đối mặt với điều tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua [2]. Với việc ban hành nhiều quy định nghiêm ngặt nhằm hạn chế tiếp xúc, lây nhiễm bệnh trong cộng đồng đã gây đứt gãy giao thương giữa các nước, hoạt động kinh tế toàn cầu bị suy giảm, thất nghiệp tăng cao, đe dọa đến sự ổn định tài chính của nhiều quốc gia. Để đánh giá một cách tổng quát mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chúng ta điểm qua một số chỉ tiêu đánh giá của nền kinh tế Việt Nam ở các khía cạnh: tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ lạm phát và chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của một số ngành chủ lực.

Số liệu Hình 1 cho thấy mức tăng trưởng GDP trong 6 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam là 1,81%, tương đương 2.576 nghìn tỷ đồng. Đây cũng là mức tăng thấp nhất của 6 tháng đầu

---

[1] Bài viết này được đăng trên Chuyên đề đặc biệt 2020: "Tác động của đại dịch Covid-19 và giải pháp ứng phó của ngành Ngân hàng" của Tạp chí Ngân hàng.

[2] Trong trường hợp nghiêm trọng nhất, OECD dự báo nền kinh tế toàn cầu có thể tăng trưởng âm 7,6% trong năm 2020, đồng thời cũng cảnh báo khả năng phục hồi "chậm và không chắc chắn". Trong đó, các nền kinh tế lớn được dự báo có nguy cơ sụt giảm sâu trong quý II/2020 như Mỹ giảm 20% GPD, Nhật Bản có thể giảm đến 22%, Eurozone cũng giảm trên trên 10%. https://vtv.vn/kinh-te/kinh-te-toan-cau-6-thang-dau-nam-nhung-khoang-toi-chua-tung-thay-2020070506104561.htm

năm kể từ năm 2010. Trong đó, mức tăng trưởng của quý II/2020 là 0,36%, nguyên nhân là do quý II chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19 khi mà các yêu cầu giãn cách xã hội được thực hiện nghiêm túc. Tuy vậy, Việt Nam vẫn được xem là điểm sáng trong bối cảnh nhiều nền kinh tế trên toàn cầu tăng trưởng âm.

Hình 1. Tăng trưởng GDP, 6 tháng đầu năm 2010-2020

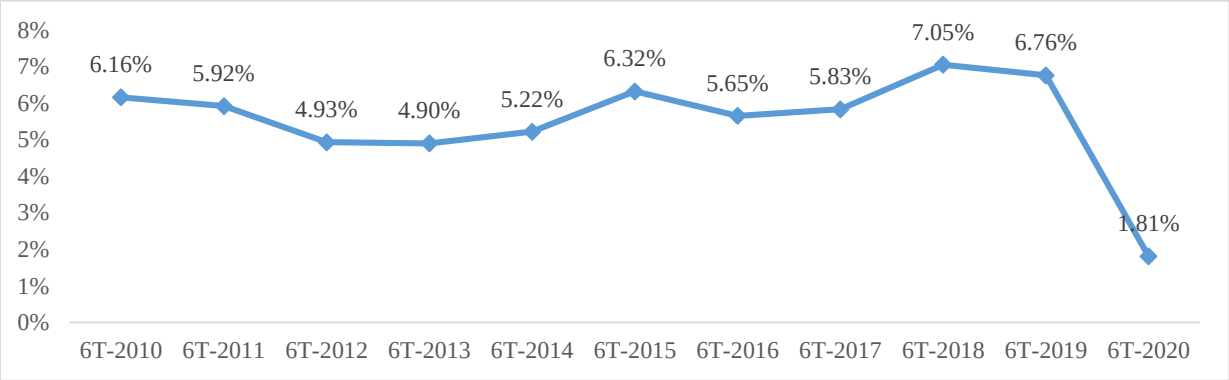

Ghi chú: Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục thống kê (2020)

Trong cơ cấu GDP, số liệu Hình 2 cho thấy ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế với mức tăng tưởng 4,96%, đóng góp 16,87% cho tăng trưởng chung, cùng với đó là các ngành dịch vụ thị trường. Các ngành có mức tăng trưởng âm bao gồm khai khoáng, bất động sản, lưu trú và ăn uống, vận tải và logistics. Các hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78% đóng góp 4,03% GDP, thấp hơn mức tăng trưởng cùng kỳ năm ngoái là 7,9%. Qua đó, có thể thấy, tình hình hoạt động của ngành ngân hàng cũng như các ngành khác đã bị ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19.

Hình 2. Mức tăng trưởng và cơ cấu tỷ trọng GDP, 6 tháng đầu năm 2020

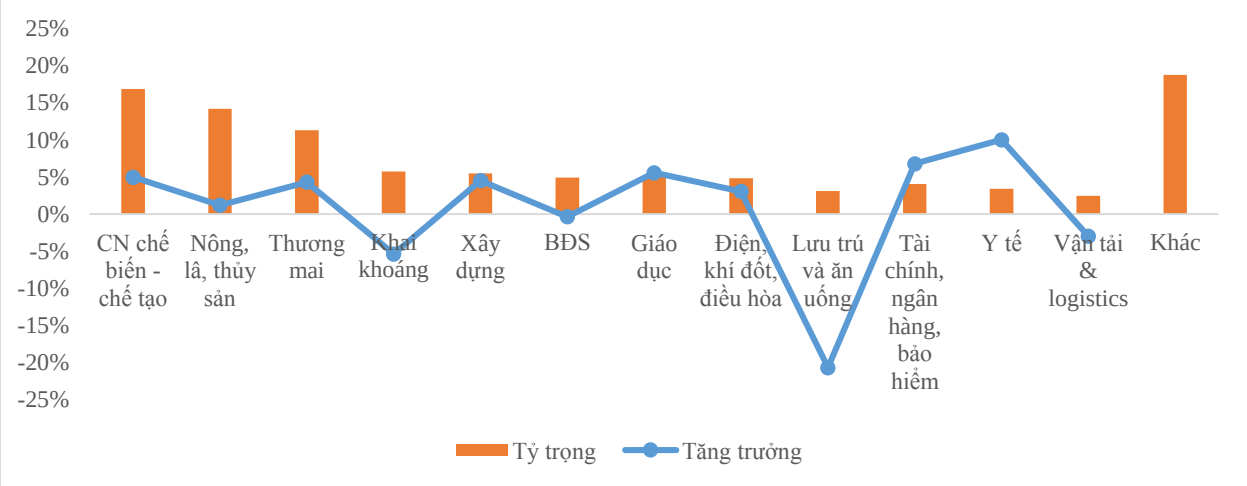

Ghi chú: Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục thống kê (2020)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát có dấu hiệu tăng cao. Hình 3 cho thấy CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,19%, lạm phát cơ bản bình quân cũng tăng 2,81% so với cùng kỳ 2019. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Cụ thể hơn, theo báo cáo của Tổng

cục thống kê (GSO), sau 4 tháng liên tiếp CPI giảm do tổng cầu giảm, CPI tháng 6/2020 đã bất ngờ tăng trở lại với mức tăng khá cao, xấp xỉ 0,66% so với tháng trước, chủ yếu tập trung vào các nhóm ngành giao thông, vận tải, đồ uống và lương thực, thực phẩm. Nguyên nhân do giá xăng dầu tăng cao 3 đợt liên tiếp sau chuỗi giảm kép dài kể từ Tết nguyên đán và giá thịt lợn tiếp tục tăng trong những ngày đầu tháng 6 cũng như nhu cầu về đồ uống giải khát trong mùa hè tăng mạnh. Tuy vậy, CPI bình quân đang có xu hướng giảm dần từ 6,54% trong quý I/2020 xuống còn 4,19%, gần tiệm cận với mục tiêu kiểm soát lạm phát do Quốc Hội đề ra (khoảng 4%) [3].

Hình 3. CPI và tỷ lệ lạm phát, 6 tháng đầu năm 2015-2020

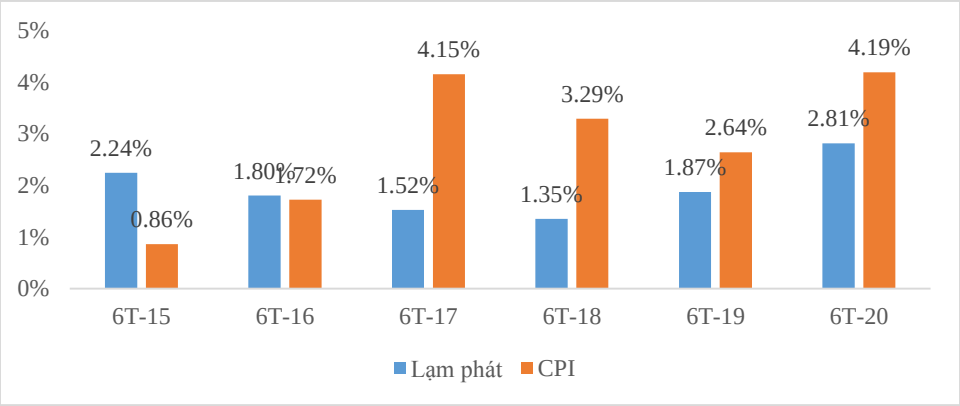

Ghi chú: Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục thống kê (2020)

Để có cái nhìn đúng đắn về ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến ngành ngân hàng, phần còn lại của mục này phân tích chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và tình hình hoạt động của các ngành liên quan, chiếm tỷ trọng cao trong dư nợ cho vay của các ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam.

Hình 4. Cơ cấu dư nợ tín dụng của một số ngân hàng trong năm 2019

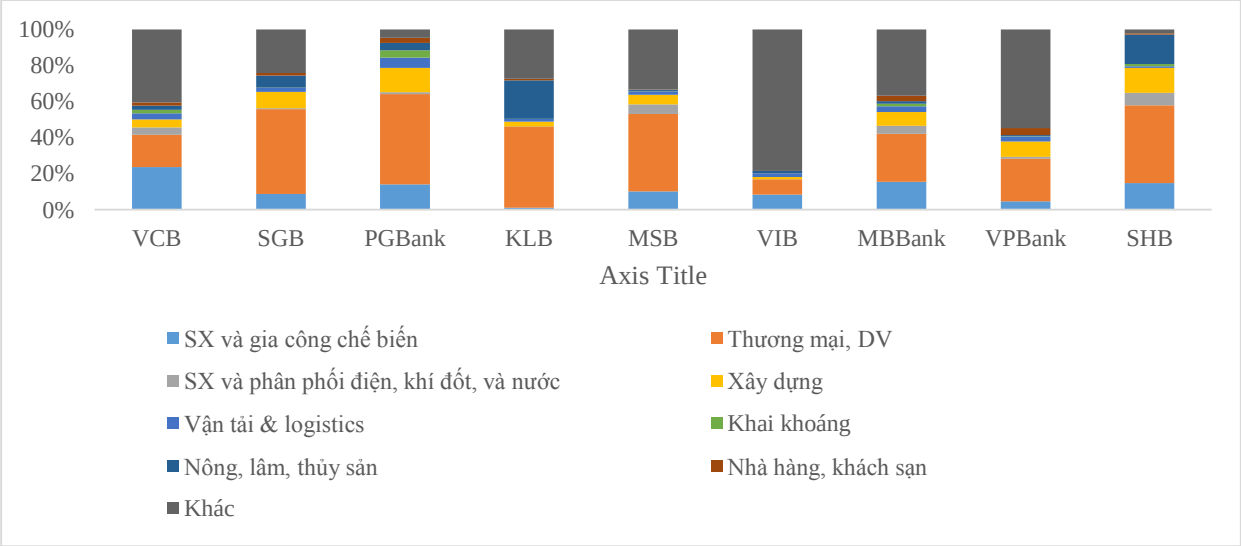

Ghi chú: Dữ liệu được tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các NHTM năm 2019

[3] https://baodautu.vn/chi-so-gia-tieu-dung-binh-quan-6-thang-tang-cao-nhat-5-nam-d124952.html

Qua Hình 4, có thể thấy dư nợ cho vay của các NHTM năm 2019 tập trung vào các ngành như sản xuất và gia công chế biến, thương mại, dịch vụ, xây dựng, vận tải và logistic. Dưới sự ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, tình hình hoạt động kinh doanh của các ngành nghề này vẫn còn nhiều khó khăn chưa có những cải thiện đáng kể sau các quy định giãn cách xã hội dần được nới lỏng. Việc phân tích các ngành nghề này sẽ làm tiền đề để phân tích sâu hơn sự ảnh hưởng của đại dịch đến hoạt động ngân hàng, đặc biệt là hoạt động tín dụng ở phần sau.

Sản xuất công nghiệp trong quý II năm 2020 chịu ảnh hưởng năng nề từ dịch Covid-19 nên tốc độ tăng thêm chỉ đạt 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, IIP toàn ngành vẫn chỉ tăng 2,71%, đây cũng là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm 2011-2020 [4]. Trong đó, các ngành công nghiệp chủ lực như chế biến, chế tạo tăng 4,96%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,04%; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 3,76%; ngành khai khoáng giảm 5,4% do sản lượng khai thác dầu thô giảm mạnh 13,9% và khí đốt tự nhiên giảm 9,1%. Sản lượng sản xuất các mặt hàng truyền thống đồ uống, dệt may, giày da, dầu thô, … cũng đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái từ 4,6% đến 23,7%. Cũng theo GSO, chủ yếu do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, bùng phát mạnh tại nhiều quốc gia đã ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các ngành chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, cũng có một số ngành tăng trưởng cao trong 6 tháng đầu năm và đóng góp chung vào mức tăng trưởng của toàn ngành như: sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 27,9%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 7,8%; và sản phẩm điện tử, máy tính tăng 9,8%.

Hình 5. IIP toàn ngành công nghiệp, 6 tháng đầu năm 2016-2020 và IIP một số ngành CN chủ lực 6 tháng đầu năm 2020

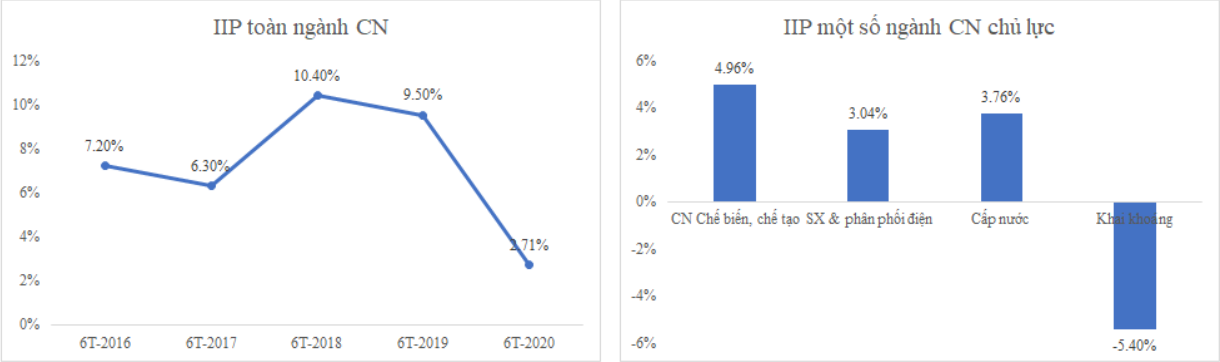

Ghi chú: Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục thống kê (2020)

Sau khi quy định giãn cách xã hội được nới lỏng dần từ tháng 5, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động và doanh nghiệp đăng ký mới có xu hướng tăng dần như mô tả trong Hình 6, tập trung ở các ngành thương mại, công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng. Tuy nhiên số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và số doanh nghiệp giải thể ở các ngành này cũng tăng cao. Cụ thể tính đến cuối tháng 6, có trên 13 nghìn doanh nghiệp ngành thương mại, hơn 8 nghìn doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo tạm ngừng kinh doanh hoặc tuyên bố giải thể. Đây đều là những ngành chủ chốt, có đóng góp to lớn cho toàn nền kinh tế của nước ta. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng, đặc biệt là hoạt động tín dụng trong 6 tháng đầu năm

[4] https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19651

hoặc thậm chị cả năm 2020 với cơ cấu dư nợ phần lớn tập trung vào các ngành đang bị ảnh hưởng dưới tác động của Covid-19.

Hình 6. Tình hình DN theo ngành 6 tháng đầu năm 2020

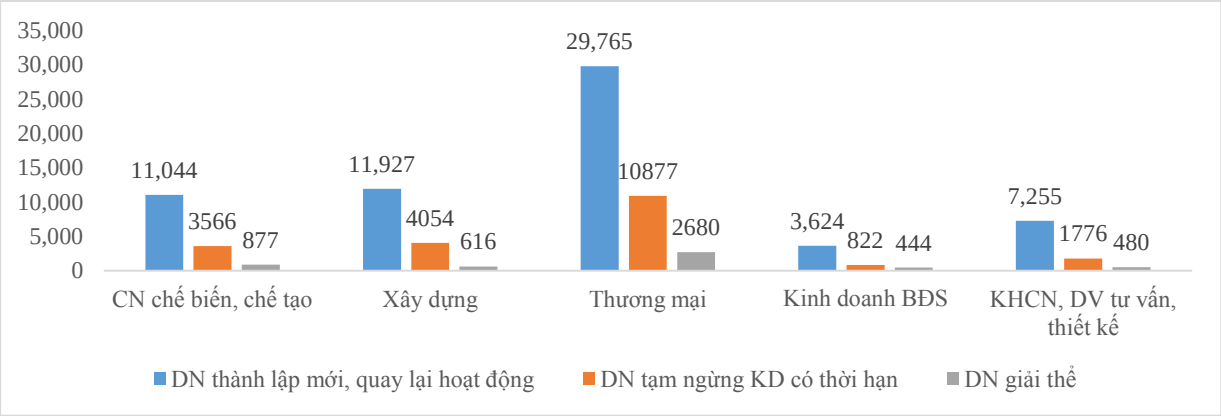

Ghi chú: Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục thống kê (2020)

Tóm lại, đại dịch Covid-19 lúc đầu sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng thông qua gián đoạn các hoạt động kinh tế của công ty, từ đó chuyển sang vấn đề thanh khoản đối với các ngân hàng có quan hệ tín dụng.

2. Tình hình hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong 6 tháng đầu năm

Trong phần này, bài viết phân tích tình hình hoạt động ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2020 thông qua hiệu quả hoạt động, hoạt động tín dụng và hoạt động huy động vốn. Tuy nhiên, do sự hạn chế về số liệu công bố, nên bài viết tập trung vào 14 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) bao gồm: NTHMCP Ngoại Thương VN (VCB), NHTMCP Công thương VN (CTG), NHTMCP VN Thịnh Vương (VPB), NHTMCP Kiên Long (KLB), NHTMCP Sài Gòn Thương Tín (STB), NHTMCP Sài Gòn (SGB), NHTMCP Việt Nam Thương Tín (VBB), NHTMCP Bưu điện Liên Việt (LPB), NHTMCP Á Châu (ACB), NHTMCP Quốc tế (VIB), NHTMCP Tiên Phong (TPB), NHTMCP Bắc Á (BAB), NHTMCP Quốc Dân (NVB), và NHTMCP Đông Nam Á (SeABank).

2.1. Hiệu quả hoạt động

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã trải qua một giai đoạn đầy biến động trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2020 khi mà hiệu quả hoạt động của các NHTM đã bị ảnh hưởng. Từ số liệu Hình 7 có thể thấy rõ các ngân hàng lớn, đặc biệt là nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước như VCB, CTG có chỉ số ROA, ROE trong quý II giảm so với quý I/2020. Cụ thể, VCB giảm xấp xỉ 2 điểm phần trăm, CTG giảm trên 10 điểm phần trăm, VPB giảm gần 10 điểm, KLB giảm hơn 50 điểm và VBB giảm hơn 70 điểm phần trăm so với quý I/2020. Trong khi đó, các ngân hàng với quy mô nhỏ hơn lại có hiệu quả hoạt động cao hơn khi các chỉ số ROA và ROE đều tăng so với quý I như SGB, BAB, NVB, và SeABank. Thu nhập từ các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đáng kể kinh doanh của các nhà băng này khi tăng trưởng tín dụng sụt giảm mạnh, đặc biệt là lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư, bảo lãnh phát hành trái phiếu và bancassurance. Đây là điểm đáng mừng trong hoạt động của các ngân hàng khi nguồn thu có sự dịch chuyển từ mảng tín dụng sang phi tín dụng. Riêng biên lãi ròng (NIM) trong quý II cũng sút giảm nặng nề so với quý trước, được ghi nhận ở 10/14 NHTM công bố báo cáo.

Hình 7. Hiệu quả hoạt động của một số NHTM trong quý I và II năm 2020

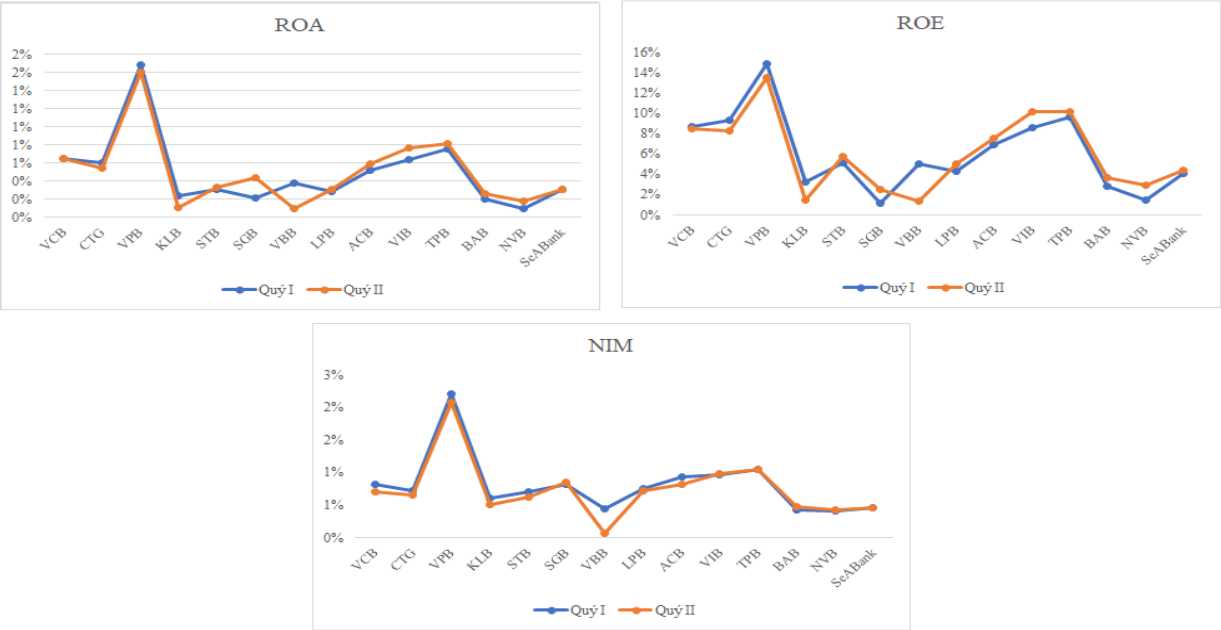

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

Hình 8. Tăng trưởng lợi nhuận của một số NHTM trong quý II (so với quý I/2020)

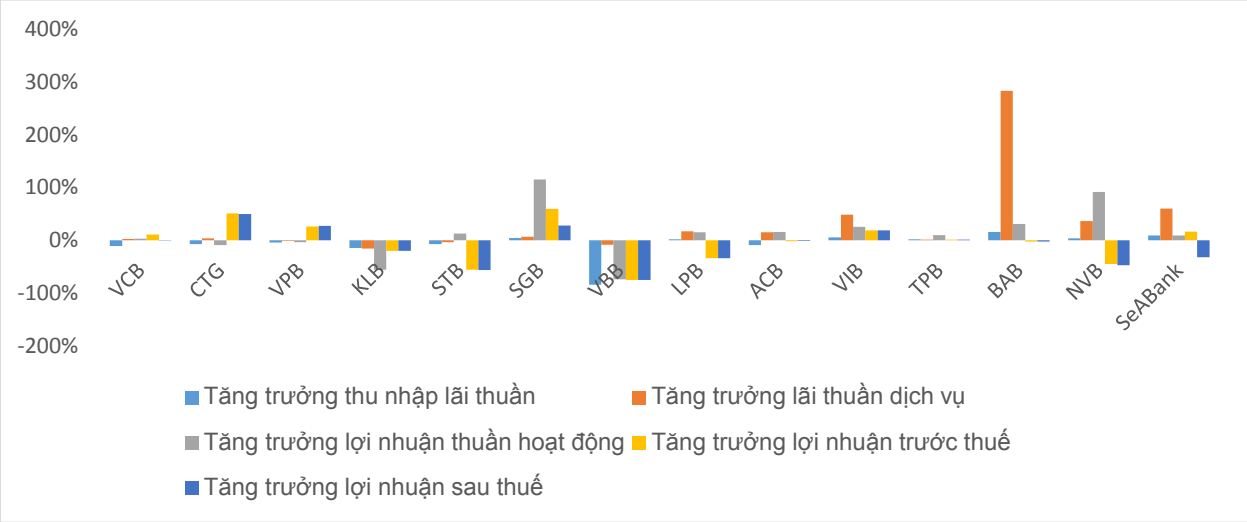

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ nên gặp nhiều khó khăn trong việc trả lãi vay và nợ vay ngân hàng, đẩy nợ xấu của các ngân hàng có xu hướng gia tăng, từ đó đẩy trích lập dự phòng rủi ro của các ngân hàng tăng. Thứ hai, hàng loạt gói lãi suất cho vay ưu đãi, tái cơ cấu thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi cho khách hàng, cắt giảm chi phí giao dịch và thanh toán sẽ kéo mạnh lợi nhuận ngân hàng trong mùa dịch, đặc biệt là sự sụt giảm mạnh lãi thuần trong tổng hoạt động - nguồn thu nhập chính trong ngân hàng.

2.2. Hoạt động tín dụng

Trong phần hoạt động tín dụng, bài viết sẽ phân tích các khía cạnh chính như tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống, dư nợ theo ngành, dư nợ theo nhóm khách hàng, dư nợ theo kỳ hạn và nợ xấu.

Tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống

Hình 10 cho thấy tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng có xu hướng giảm qua các năm, đặc biệt giảm mạnh vào năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Cụ thể, tính đến thời điểm 19/06/2020, tăng trưởng tín dụng của toàn nền kinh tế đạt 2,50%, thấp hơn mức 7,40% và 7,80% so với 6 tháng đầu năm 2019 và 2018. Đây cũng là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất của thời điểm 19/6 các năm 2016 – 2020, dù nhịp độ từng tháng có xu hướng tăng nhẹ. Dự báo, trong các tháng 7 và 8, tăng trưởng tín dụng tiếp tục ở mức thấp, tối đa cũng chỉ đạt 0,7% đến 1%/tháng. Với tình hình này thì mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14% trong năm 2020 được NHNN đặt ra đầu năm rất khó đạt được.

Hình 9. Tăng trưởng dư nợ tín dụng

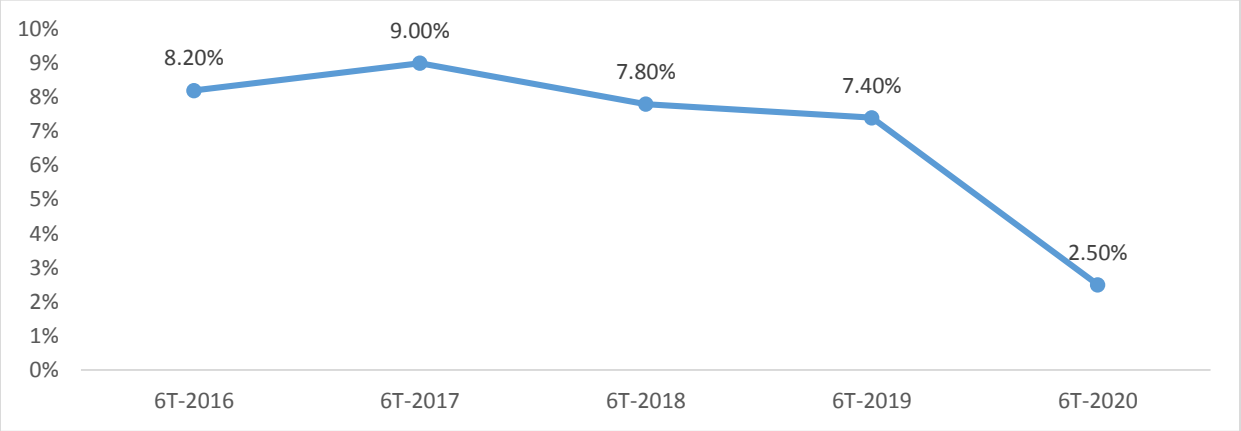

Ghi chú: Theo số liệu của Tổng cục thống kê, riêng mức tăng trưởng 6T-2020 được tính đến 19/06/2020.

Có hai nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trong tăng trưởng tín dụng. Thứ nhất, tâm lý "ngại vay" của các doanh nghiệp xuất phát từ sự sụt giảm doanh thu trong quý I vừa qua, nên nhu cầu vốn của họ không cao do hoạt động sản xuất cũng giảm hoặc không có nhu cầu vay vốn. Theo kết quả khảo sát của Talennet (2020), chỉ có 12% doanh nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực y tế và tiêu dùng cho thấy có tăng trưởng so với 2019, còn lại đều báo cáo sụt giảm doanh số, trừ một số lĩnh vực y tế, tiêu dùng [5]. Thứ hai, điều kiện cho vay còn khá khắt khe đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), các hộ kinh doanh dù các thành phần này dễ bị tổn thương khi gặp khủng hoảng như đại dịch Covid-19. Đơn cử như 4 NHTM Nhà nước luôn có lãi suất cho vay thấp nhất trên thị trường nhưng buộc các doanh nghiệp phải có lịch sử tín dụng tốt, dự án tốt, có tài sản đảm bảo hay phải là khách hàng lâu năm, khiến việc tiếp cận nguồn vốn rẻ này không hề dễ dàng.

Dư nợ theo ngành

Hình 11Theo kết quả thống kê của NHNN, tính đến cuối tháng 05/2020, dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế đạt 8.359.045 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng theo từng ngành vẫn duy trì mức

[5] https://www.talentnet.vn/vi/bao-chi/nhieu-doanh-nghiep-du-bao-giam-doanh-thu-do-covid-19

dương so với cuối năm 2019. Nhịp độ từng tháng có xu hướng tăng dần nhưng vẫn tăng rất chậm so với các tháng năm ngoái, trừ tín dụng ngành vận tải, viễn thông bắt đầu giảm từ tháng 02/2020.

Hình 10. Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế phân theo nhóm ngành

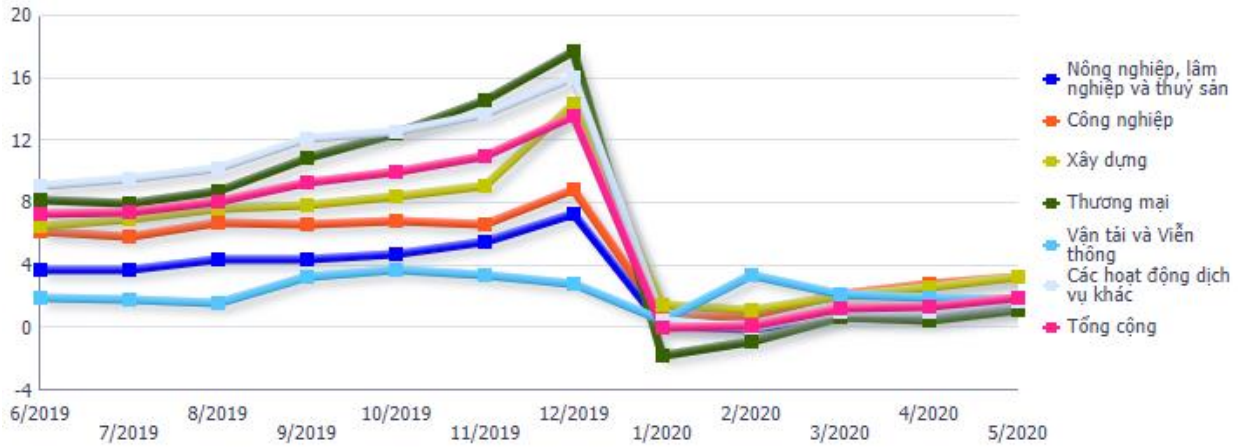

Ghi chú: Dữ liệu từ NHNN Việt Nam (2020)

Hình 11. Tỷ trọng các ngành trong dư nợ cho vay đối với nền kinh tế tính đến hết 05/2020

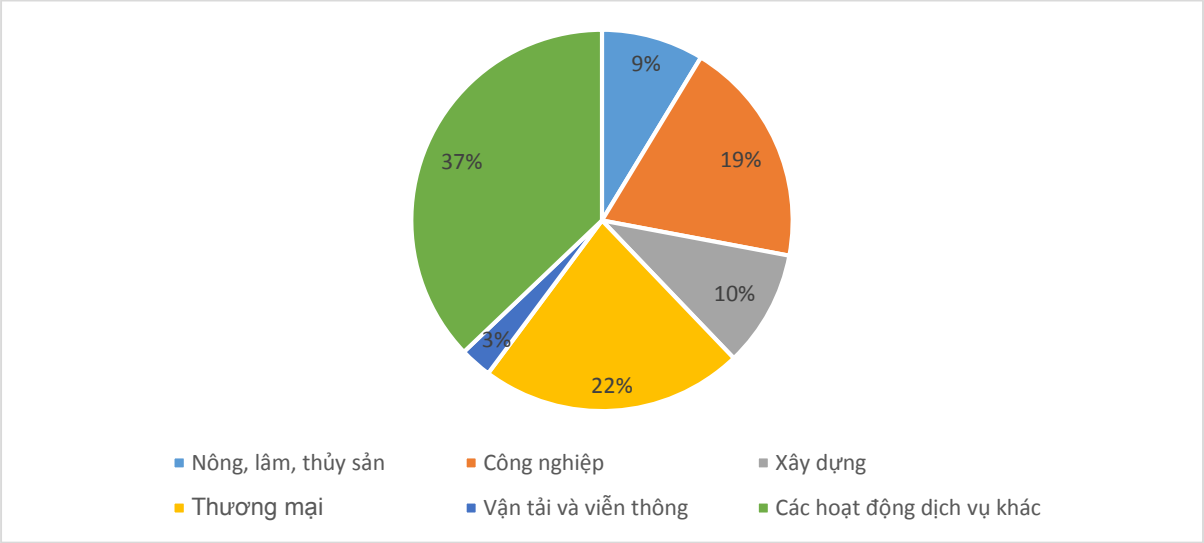

Ghi chú: Dữ liệu từ NHNN Việt Nam (2020)

Tuy nhiên, theo Hình 11 mức tăng trưởng của các ngành chủ chốt trong cơ cấu cho vay của ngân hàng như thương mại, dịch vụ, công nghiệp vẫn chưa đến 4%. Tốc độ tăng trưởng thấp nhất thuộc về hai ngành: nông, lâm, ngư nghiệp (1,35%) và thương mại (1,5%). Đây cũng là hai ngành đối tượng mà ngân hàng thương mại (NHTM) nên tập trung tăng cường tín dụng mới sau đại dịch vì hai ngành này có tỉ trọng đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế với mức đóng góp trong cơ cấu GDP lần lượt là 37% và 22%.

Dư nợ theo nhóm khách hàng

Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng năm 2020[6]. Từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2009, dư nợ tín dụng theo nhóm khách hàng đã có sự chuyển dịch khá rõ nét giữa khách hàng cá nhân và doanh nghiệp/tổ chức ở các NHTM, có sự gia tăng đều trong tỷ trọng dư nợ cho vay cá nhân từ 2010 đến 2019, trong khi tỷ trọng dư nợ cho vay doanh nghiêp/tổ chức giảm theo chiều ngược lại trong cùng khoảng thời gian. Điều này cho thấy, các NHTM đã có những chính sách thích hợp để hấp dẫn nhu cầu tín dụng cá nhân vì cho vay đối tượng này có rủi ro thấp hơn và sự đánh giá tín dụng đơn giản hơn so với cho vay doanh nghiệp. Trong thời gian tới, có 2 kịch bản có thể xảy ra: (1) cơ cấu này có thể chuyển dịch lần nữa do sự "*đồng điệu"* trong việc hỗ trợ doanh nghiệp đến từ Chính phủ, NHNN và hệ thống NHTM, giúp khôi phục sản xuất kinh doanh và vực dậy nền kinh tế khi Việt Nam đã bước sang trạng thái *bình thường mới;* (2) tuy nhiên, cũng có thể với tình hình tăng trưởng tín dụng chững lại, các NHTM sẽ ưu tiên tái cấu trúc và gia hạn nợ thay vì đẩy mạnh cho vay mới, vì vậy cơ cấu hiện tại sẽ không thay đổi nhiều.

Hình 12. Tỷ trọng dư nợ theo nhóm khách hàng

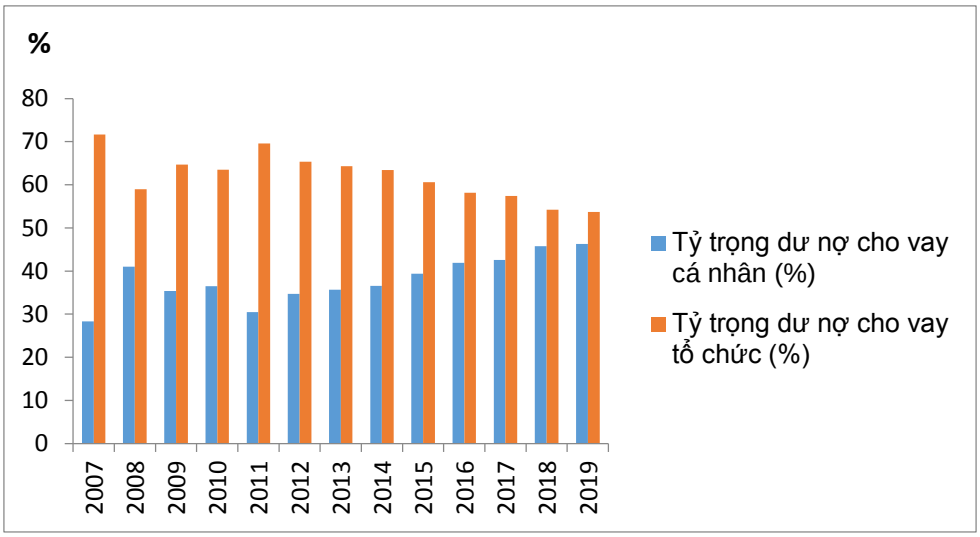

Ghi chú: Tính toán được dựa trên số liệu cung cấp của Vietdata (2019) không bao gồm các NH 100% vốn nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại Việt Nam, NH liên doanh, NH chính sách.

Dư nợ theo kỳ hạn

Số liệu trong hình 13 và 14 cho thấy cơ cấu nợ tại các NHTM có sự phân hóa rõ rệt. Đối với nhóm ngân hàng lớn như VCB, CTG, STB, ACB có tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm hơn 50%. Nhóm các ngân hàng nhỏ như VIB, VBB, LPB, TPB, NVB đều có dư nợ trung, dài hạn cao hơn 50%. Trong đó, VPB có dư nợ trung dài hạn chiếm gần 70%, riêng KLB có dư nợ trung dài hạn chỉ khoản 40%. Có thể thấy các NHTM đã chủ động cơ cấu lại dư nợ nhất là khi Thông tư 22/2019 giới hạn tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn giảm xuống còn 40% ngay từ đầu năm 2020, và tiến đến 30% vào quý III/2022. Để giảm tỷ lệ này, các ngân hàng có hai cách (i) giảm huy động nguồn vốn ngắn hạn và/hoặc (ii) tăng cho vay trung, dài hạn.

[6] Vì hạn chế về mặt số liệu tại thời điểm báo cáo, nên báo cáo chỉ tính đến năm 2019.

Cũng trong Thông tư 22/2019, khi tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) được tăng lên 5% (từ 80% lên 85%), động thái này của NHNN nhằm mục đích kích thích tăng trưởng tín dụng đối với các NHTM. Theo công bố trong quý II/2020, mười (10) trong 14 NHTM đã vượt qua mức trần quy định trong cả 6 tháng đầu năm 2020. Điều này cho thấy nhiều ngân hàng đã chủ động kích hoạt gói tăng trưởng từ NHNN, nguồn tiền từ liên ngân hàng bên cạnh tiền gửi khách hàng để cho vay. Tuy nhiên, vẫn còn 1 số ngân hàng hơi rụt rè, vẫn chưa sử dụng tối đa tỷ lệ LDR là 85% như STB, NVB, VCB, VBB.

Hình 13. Dư nợ theo kỳ hạn của 1 số NHTM trong quý I/2020

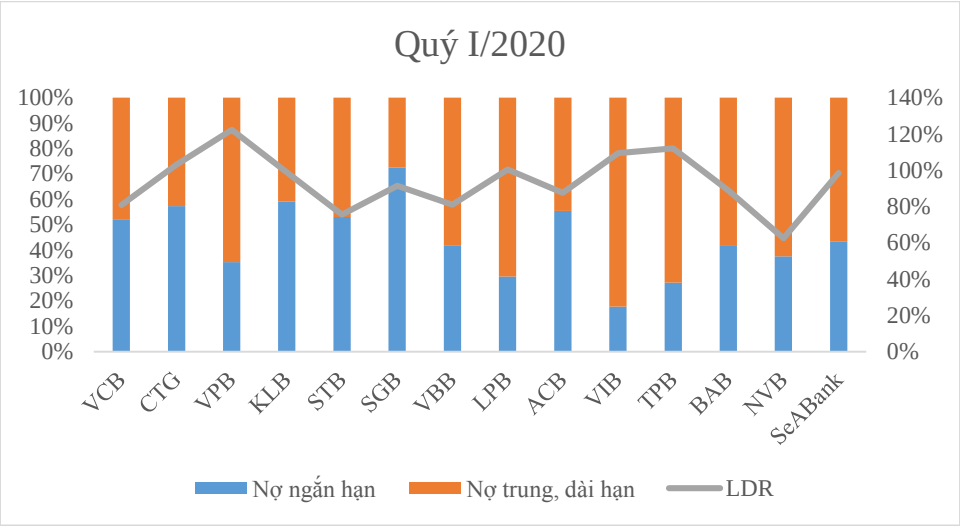

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

Hình 14. Dư nợ theo kỳ hạn của 1 số NHTM trong quý II/2020

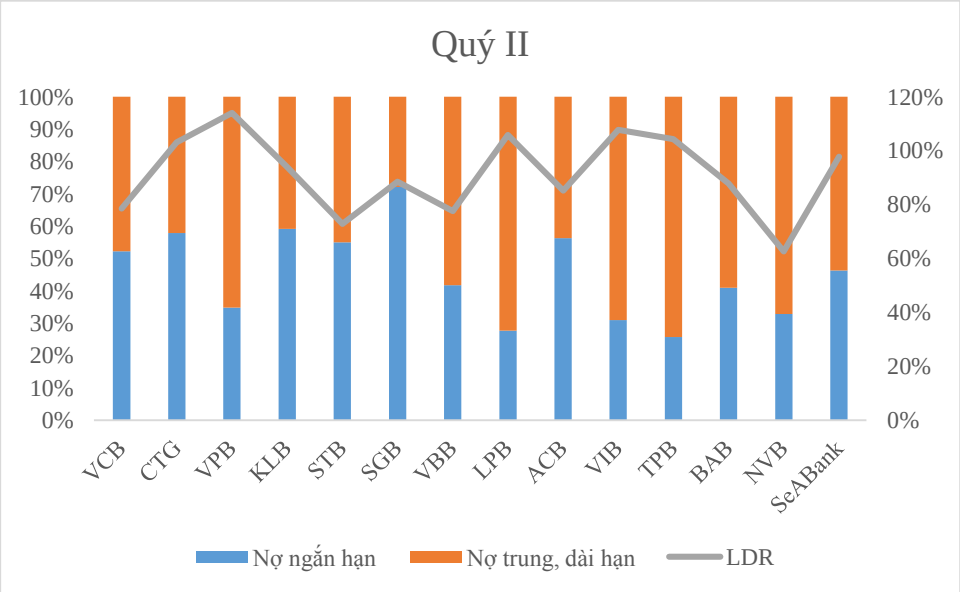

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

Nợ xấu

Mặc dù bản chất của đại dịch Covid-19 này có khác so với các cuộc khủng hoảng tài chính trước đây, nhưng cũng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của các ngân hàng. Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã công bố của các ngân hàng đến cuối tháng 6, nợ xấu của một số ngân hàng có xu hướng tăng lên so với quý I như VCB, VPB, STB, VBB, LPB, ACB, cho thấy các ngân hàng hoạt động kém hiệu quả trong thời kỳ suy thoái và điều này sẽ làm tăng áp lực lên chất lương tín dụng trong ngắn hạn. Đặc biệt, KLB có mức nợ xấu ở cả quý I và quý II cao gấp 6 lần so với năm 2019. NHNN cần quan tâm, giám sát đặc biệt đối với mức nợ xấu ở ngân hàng này. Một điểm sáng thứ hai có thể nhận thấy, 12/14 NHTM công bố báo cáo quý II/2020 cho thấy vẫn đảm bảo được tỷ lệ nợ xấu dưới mức 3% theo quy định của NHNN (trừ VPB và KLB, Hình 16). Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu này, trong thời gian tới, còn có thể ở mức cao hơn nữa do Thông tư 01/2020 cho phép các ngân hàng quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ vã giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tính đến hết quý I, các ngân hàng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho trên 12.000 khách hàng với dư nợ 13,5 nghìn tỷ đồng, và đến giữa tháng 05/2020, con số dư nợ được cơ cấu lại đã gần 138 nghìn tỷ đồng.

Với tình hình nợ xấu gia tăng, hoạt động mua bán nợ với VAMC được dự báo sẽ diễn ra sôi động hơn và với khối lượng lớn hơn trước. Tính đến thời điểm đầu năm 2020, trên toàn hệ thống đã có 13 ngân hàng thực hiện tất toán toàn bộ trái phiếu VAMC. Đây cũng là thời điểm tròn 5 năm kết thúc kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Điều đó có nghĩa là các NHTM sẽ nhận lại những khoản nợ xấu không xử lý được sau khi đã bán sang VAMC. Điều này dẫn đến nợ xấu nội bản của các ngân hàng tăng lên. Có thể giải thích rằng, thực chất VAMC chỉ xử lý về mặt kỹ thuật hạch toán và giãn thời gian trích dự phòng chứ chưa giải quyết được bản chất nợ xấu. Vì thế, đối với những ngân hàng không tất toán với VAMC theo đúng quy định sẽ phải trích lập dự phòng rủi ro đến 20% cho trái phiếu VAMC. Vì vậy, đối với Thông tư 19/2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC, NHNN nên cân nhắc có sự điều chỉnh, cụ thể quy định các ngân hàng có nợ bán cho VAMC không được chia cổ tức bằng tiền mặt cho đến khi tất toán hoàn toàn.

Hình 15. Tỷ lệ nợ xấu ở 1 số NHTM trong quý I và quý II/2020

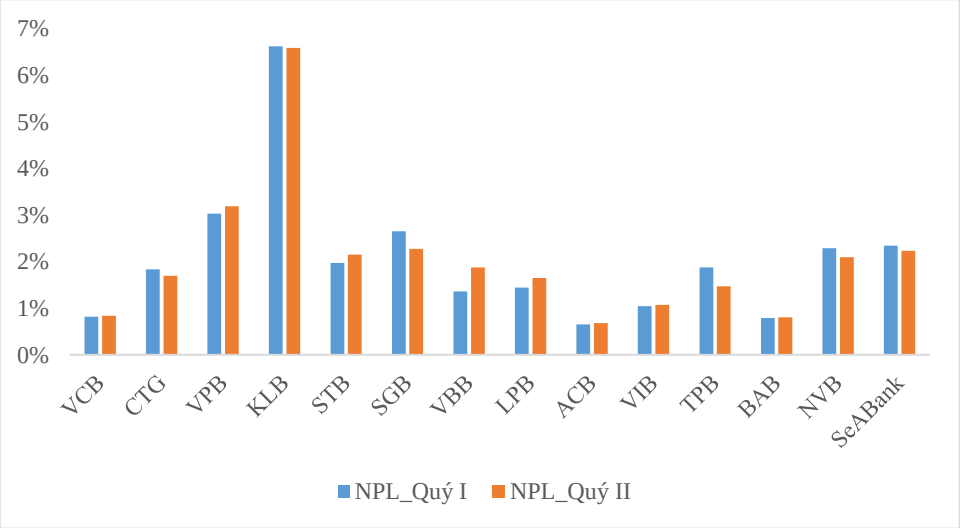

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

Song song đó, theo đánh giá sơ bộ của NHNN, khoản 2 triệu tỷ đồng, tương đương với 23% dư nợ tín dụng của ngành tiềm ẩn rủi ro trong đại dịch Covid-19. Trong đó, một số ngành chịu ảnh hưởng lớn như công nghiệp chế biến, chế tạo là 520.000 tỷ đồng (6,3% dư nợ nền kinh tế); nông, lâm, thủy sản khoảng 157.000 tỷ đồng; khai khoáng 45.000 tỷ đồng. Trong điều kiện dịch bệnh kéo dài, con số này có thể tăng lên [7], một lần nữa tạo áp lực lên nợ xấu nội bảng của các NHTM. Theo nhận định của NHNN trong trường hợp dịch được kiểm soát trong quý II, tỷ lệ nợ xấu (nội bảng, đã bán cho VAMC và nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ) sẽ ở mức gần 4%, và đến cuối năm 2020 là 3,7% hoặc cao hơn, dẫn tới ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của các TCTD và khả năng phục hồi của các TCTD yếu kém.

2.3. Hoạt động huy động vốn

Tuy hoạt động tín dụng ảm đạm, nhưng huy động vẫn tăng trưởng cao. Hình 16 cho thấy đến cuối tháng 4, số tiền huy động từ tổ chức kinh tế đạt 3,8 triệu tỷ đồng, giảm 3,94% so với cuối năm 2019; tiền gửi của dân cư đạt 4,9 triệu tỷ đồng, tăng 3,37%.

Tính từ đầu năm đến ngày 20/05, huy động vốn ở cả hai nhóm khách hàng ước đạt khoảng 162.700 tỷ đồng, bình quân đạt hơn 1.160 tỷ/ngày. Theo Hình 17, tính đến thời điểm 19/06/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,59%, thấp hơn mức tăng trưởng cùng kỳ năm ngoái là 6,05%; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,35% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,09%). Mức tăng trưởng 6 tháng đầu năm của tổng phương tiện thanh toán và huy động vốn của năm 2019 lần lượt là 7,1% và 6,7%. Có thể thấy tốc độ tăng trưởng huy động vốn vượt khá xa mức tăng của tín dụng trong cùng một thời điểm.

Hình 16. Tiền gửi của khách hàng tại TCTD

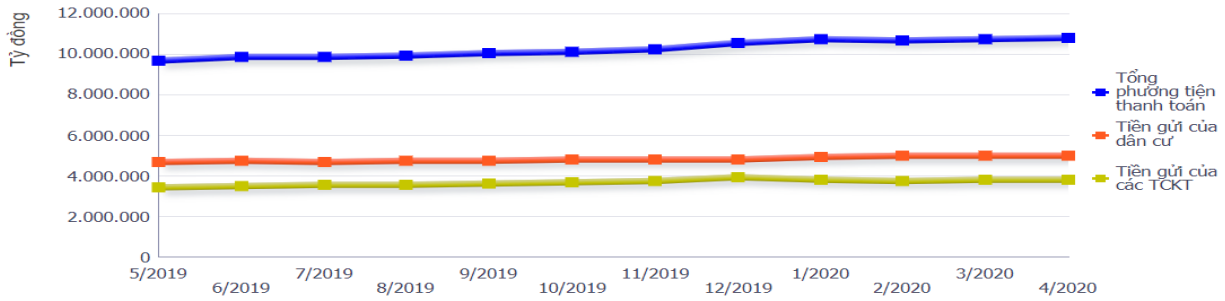

Ghi chú: Dữ liệu từ NHNN Việt Nam (2020)

Hình 17. Tăng trưởng huy động vốn và tổng phương tiện thanh toán

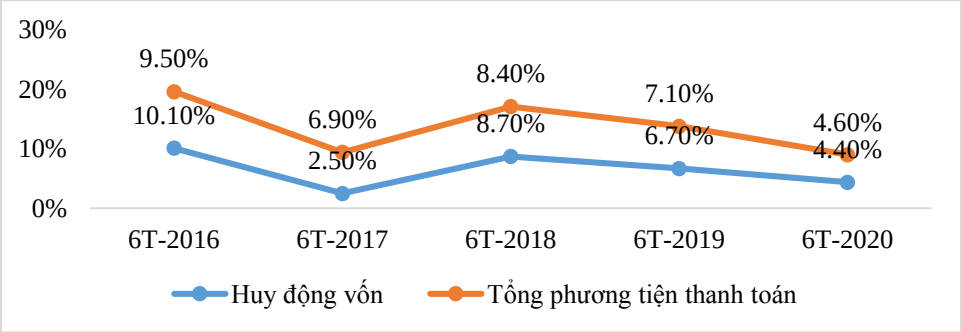

[7] https://tinnhanhchungkhoan.vn/ngan-hang/ngan-hang-sach-no-xau-tai-vamc-chua-voi-mung-328528.html

Ghi chú: Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục thống kê (2020), mức tăng trưởng 6T-2020 được tính đến 19/06/2020

Theo báo cáo tài chính được công bố trong quý II/2020, 13/14 NHTM cho thấy mức tăng trưởng tiền gửi của khách hàng khá cao như VCB, VPB, KLB, STB, VBB, ACB, và TPB đều tăng trên 5% so với quý I vừa qua. Trong đó VPB tăng xấp xỉ gần 10%, riêng LBP giảm 0.06% do sự sụt giảm của tiền gửi cá nhân, như mô tả trong Hình 18. Thừa tiền, buộc các ngân hàng giảm lãi suất huy động.

Trong tuần cuối của tháng 6/2020 mặt bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1% - 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,7% - 4,25%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng (theo đúng tinh thần của Quyết định 919/QĐ-NHNN); 4,4%-6,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn 12 tháng trở lên ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất huy động đô la Mỹ vẫn duy trì ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức [8]. Tuy nhiên, mức giảm lãi suất huy động như trên vẫn chưa đáng kể, dẫn đến chi phí vốn cho tiền gửi vẫn còn khá cao.

Hình 18. Tăng trưởng tiền gửi của khách hàng quý II so với quý I/2020

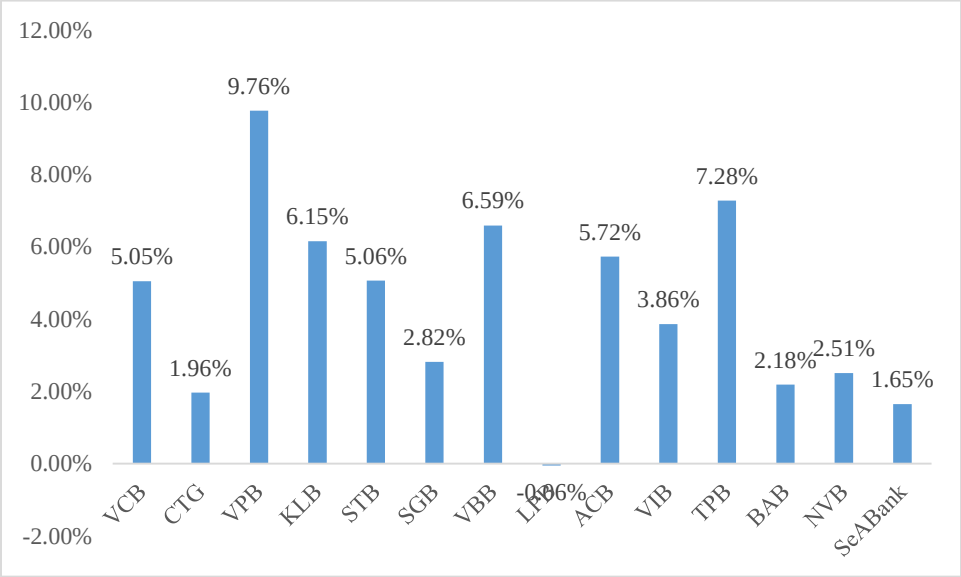

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

3. Kết luận

Mặc dù ở thời điểm hiện tại, rất khó để nói sự tổn thất của hệ thống ngân hàng do đại dịch Covid-19 lớn đến mức nào, nhưng ít nhất chúng ta có thể thấy, các NHTM Việt Nam đã bước vào cuộc khủng hoảng với vị thế tốt hơn nhiều so với thời kỳ khủng hoảng tài chính trước đây. Có thể tổng kết một số điểm tích cực trong hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

(1) Mặc dù tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng tuy thấp hơn so với các năm trước, nhưng nhịp độ tín dụng qua từng tháng vẫn tăng. Số liệu trong Hình 20 cho thấy, dư nợ cho vay Quý II của một số ngân hàng đã có sự cải thiện dù không đáng kể, chỉ 2/14 NHTM công bố

[8] Theo Thông tin về hoạt động ngân hàng trong tuần từ 29/06-03/07/2020 của NHNN Việt Nam

báo cáo cho thấy mức tăng trưởng âm (SGB, TPB), tuy nhiên mức dư nợ của các ngân hàng này hiện nay không đáng kể so với các ngân hàng khác trong cùng hệ thống.

Sự cải thiện này đến từ những phản ứng khá chủ động và phù hợp của NHNN, cụ thể ngay khi có thông tin về dịch bệnh ở Trung Quốc, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chủ động giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 1,0-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, trong đó lãi suất tái cấp vốn ở mức 3% (giảm 1%/năm), lãi suất tái chiết khấu còn 4,5%/năm (giảm 0.5%/năm); giảm 0,6 – 0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ (hiện ở mức 5,0%/năm). Động thái hạ lãi suất này của NHNN ít nhiều làm giảm khả năng thị trường tiền tệ đóng băng như cuộc khủng hoảng toàn cầu vào năm 2007-2008.

Hình 19. Dư nợ cho vay của một số NHTM trong quý I và II/2020

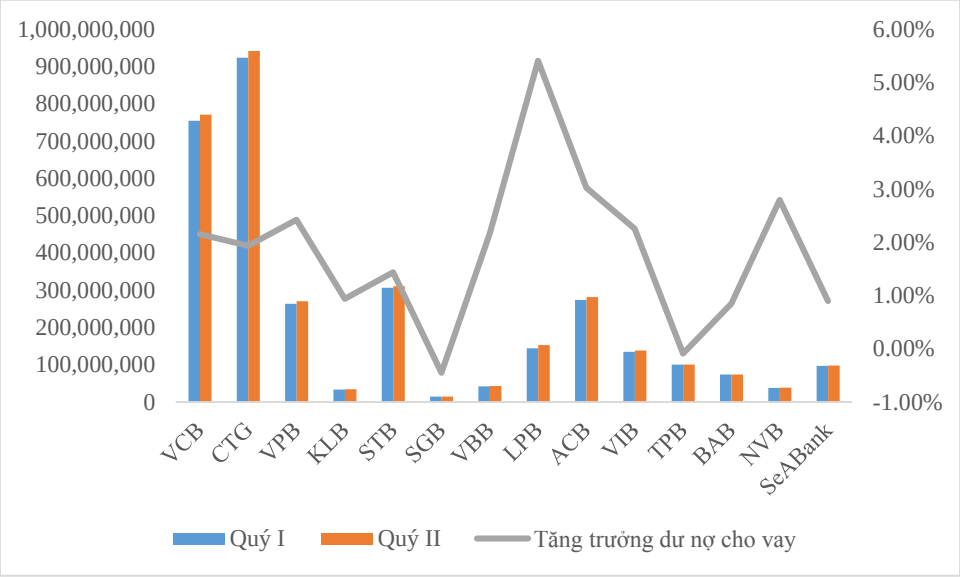

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

Đồng thời, Thông tư 01/2020/TT-NHNN cũng được ban hành, quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng do đại dịch, giải quyết các khó khăn bứt bách nhất của doanh nghiệp. Khi thông tư được ban hành, lãi suất qua đêm liên ngân hàng liên tục giảm. Đến đầu tháng 07/2020, lãi suất qua đêm chỉ còn 0,5%, kỳ hạn 1 tuần chỉ còn 0,19%. Điều này làm cho chi phí huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng giảm, góp phần hỗ trợ và cung cấp thanh khoản cho các NHTM trong việc hỗ trợ tái cơ cấu nợ và thúc đẩy kinh tế.

Song song với đó, 1 loạt các quyết định phù hợp khác của NHNN cũng được đưa ra và tổng hợp trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Tổng hợp các mức lãi suất áp dụng hiện nay

Văn bản	Nội dung chính liên quan đến mức lãi suất
Quyết định số 418/QĐ-NHNN	Lãi suất tái cấp vốn: 5%/năm (giảm đi 1%/năm)); lãi suất tái chiết khấu: 3,5%/năm (giảm đi 0,5%/năm); lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng: 6%/năm (giảm đi 1%/năm). Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở: 3,5%/năm (giảm 0,5%/năm)
Quyết định số 919/QĐ-NHNN (Thay thế Quyết định số 419/QĐ-NHNN ban hành ngày 16/03/2020)	Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 tháng: 0,2%/năm (giảm 0.3%/năm); Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 - 06 tháng: 4.25%/năm (giảm 0.5%/năm); lãi suất tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng sẽ do tổ chức tín dụng ấn định dựa trên cơ sở cung-cầu vốn thị trường
Quyết định số 919/QĐNHNN (Thay thế Quyết định số 420/QĐ-NHNN ban hành ngày 16/03/2020)	Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng thuộc 5 lĩnh vực ưu tiên: 5,0%/năm (giảm 0.5%/năm)
Quyết định số 421/QĐ-NHNN	Lãi suất áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: - Đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng đồng Việt Nam: 1%/năm - Đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ và : 0%/năm - Đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng đồng Việt Nam: 0%/năm - Đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ: 0.05%/năm
Quyết định số 422/QĐ-NHNN	Lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1%/năm
Quyết định số 423/QĐ-NHNN	Lãi suất áp dụng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: - Đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước: 1%/năm - Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước: 0.05%/năm - Đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam: 1%/năm

Ghi chú: Tổng hợp từ NHNN Việt Nam

Sau động thái điều hành của NHNN, các NHTM cũng nhanh chóng điều chỉnh mặt bằng lãi suất cho vay. Tiên phong trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp vẫn là các "ông lớn" trong ngành. Tính đến đầu tháng 7, Vietcombank, BIDV, và Agribank đã 3 lần hạ lãi suất liên tiếp. Cụ thể, Vietcombank đã hạ lãi suất xuống thấp hơn 0,5-1,5% so với mặt bằng lãi suất chung. Ngân hàng cũng giữ nguyên nhóm nợ từ đầu năm đến nay hơn 8.200 tỉ đồng. BIDV tích cực cơ cấu lại

nợ, giãn thời gian trả nợ gốc, lãi và giảm lãi suất đối với các khoảng vay bằng tiền đồng tùy thuộc vào mức độ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 (tối đa 2%/năm), với tổng số 5.400 khách hàng và 70 nghìn tỷ đồng giải ngân. Agribank cũng giảm tiếp 0,2% lãi suất cho vay từ 30/6 nhằm hỗ trợ khó khăn cho doanh nghiệp. Ngoài ra áp dụng mức lãi suất cho vay thấp nhất thị trường hiện nay là 4,8%/năm (vay ngắn hạn) và 7,5%/năm (vay trung, dài hạn) cho 5 lĩnh vực ưu tiên. Vietinbank cũng ưu đãi giảm trừ lãi suất cho vay từ 1,25% - 3%/năm so với lãi suất thông thường đến 30/06, và giảm tiếp 0,2% - 0,5% trong các tháng tiếp theo ở Quý III.

Các ngân hàng ngoài quốc doanh khác cũng có những giải pháp kịp thời. Ngân hàng ABBank đến nay cũng đã 3 lần giảm lãi suất gói vay cá nhân xuống còn 6,8%/năm và giảm 0,5% cho nhóm khách hàng vay kinh doanh (ở mức 7%/năm). VPB đã giảm lãi suất 2% cho các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) hiện hữu và vay mới, chủ yếu trong các lĩnh vực như du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện vận tải. TPBank cũng đồng hành với việc xem xét cắt giảm lãi suất cho vay từ 0,5-1% so với lãi vay trên hợp đồng. Đầu tháng 5, HDBank tung thêm gói hỗ trợ 10 nghìn tỷ đồng, lãi vay giảm 2-4%/năm cho cá nhân và doanh nghiệp nhỏ bị ảnh hưởng dịch COVID-19 trong cả nước. Nam A Bank giảm thêm 2-2,5%/năm lãi vay cũng cho các khách hàng trên.

Hình 20. Mức giảm lãi suất cho vay tối đa của một số ngân hàng tính đến tháng 07/2020

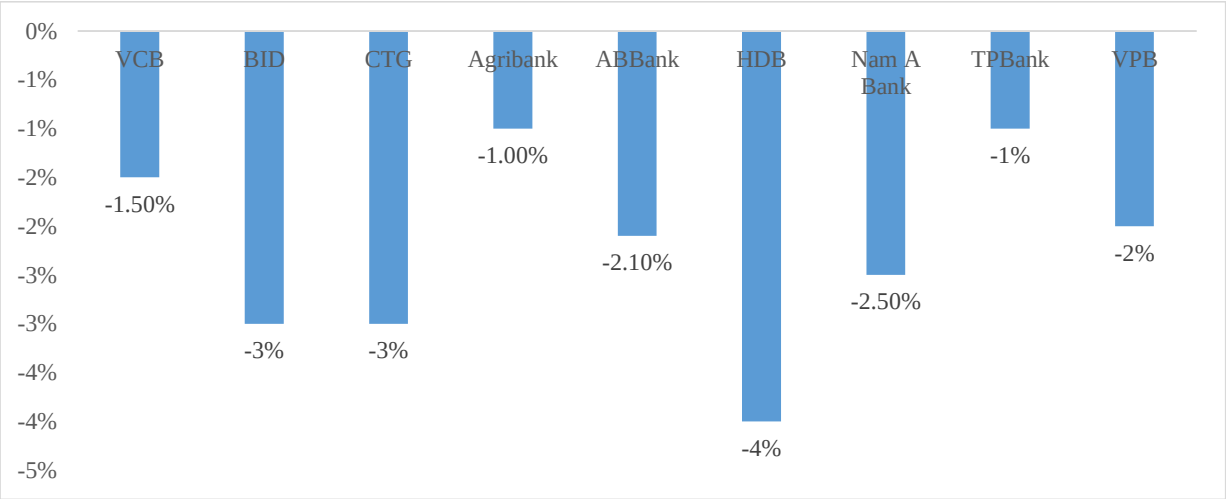

Ghi chú: Tổng hợp của tác giả (2020)

Nhìn chung, trong tuần cuối của tháng 06/2020, mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6,0%-9,0%/năm đối với cho vay ngắn hạn; 9,0%-11%/năm đối với cho vay trung và dài hạn. Riêng đối với một số ngành thuộc lĩnh vực ưu tiên, lãi suất tối đa ở mức 5,0%/năm. Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0%-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3,4%-4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2%-6,0%/năm. Mức giảm lãi suất dao động từ 0,5% đến 3%/năm tùy từng ngân hàng và sản phẩm, đối tượng cho vay [9], và nhóm NHTM Nhà nước luôn có động thái giảm lãi nhanh và sâu hơn các NHTM khác.

Có thể thấy, NHNN và các NHTM đã phản ứng khá nhanh nhạy và chủ động trước đại dịch. Tuy nhiên việc cắt giảm lãi suất có thể ảnh hưởng xấu đến biên lãi ròng của các ngân hàng – sự

[9] Theo Thông tin về hoạt động ngân hàng trong tuần từ 29/06-03/07/2020 của NHNN Việt Nam

chênh lệch giữa lãi suất phải trả cho tiền gửi và lãi suất kiếm được trên các khoản vay hoặc các tài sản chịu lãi khác – nhưng điều đó có thể không đe dọa sinh lực của các ngân hàng trong ngắn hạn.

(2) Nợ xấu được duy trì ổn định dưới 3%. NHNN dù yêu cầu các ngân hàng tạo thuận lợi cho khách hàng vay vốn, nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng tín dụng, duy trì được tính lành mạnh và an toàn của hoạt động ngân hàng hậu đại dịch. Gần đây nhất là việc NHNN ban hành thông tư 22/2019, bước đầu giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn từ 45% xuống còn 40% vào đầu năm 2020 và chỉ còn 30% vào cuối năm 2022. Điều này cũng phần nào khiến cho các ngân hàng không cho vay ra nhiều; Dù đặt các ngân hàng vào thế khó khăn vì phải đứng giữa 2 lựa chọn, một là mở rộng cho vay hỗ trợ doanh nghiệp nhưng lại phải đối mặt với nguy cơ nợ xấu tăng cao, hoặc là thắt chặt tín dụng để không bùng phát nợ xấu, nhưng động thái này của NHNN đã tăng cường an toàn về hệ thống cụ thể là an toàn về thanh khoản cho các NHTM.

Hình 21. Thu nhập lãi thuần về dịch vụ của NHTM trong quý I và II/2020

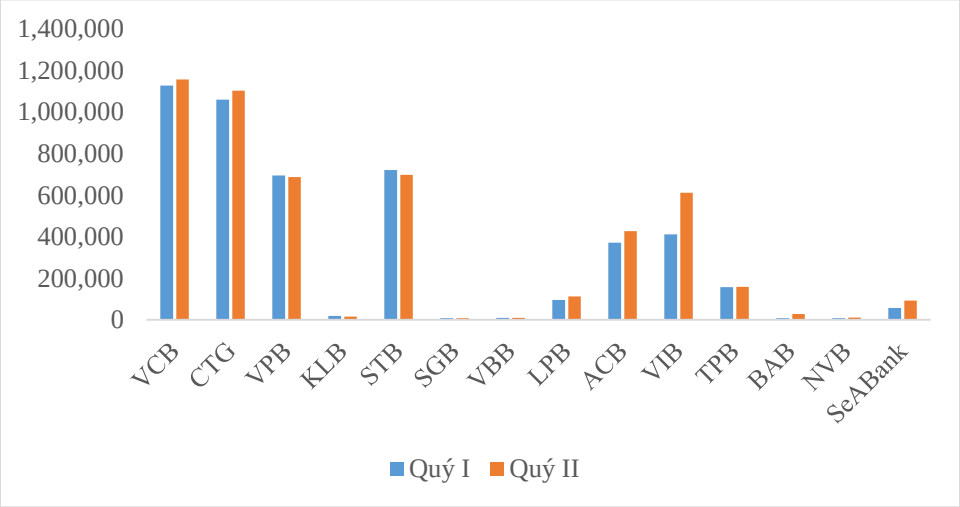

Ghi chú: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các ngân hàng quý I và II/2020

(3) Sự chuyển dịch sang nguồn thu phi tín dụng. Đây có thể được coi là "điểm sáng" le lói trong bức tranh ngân hàng đầy ảm đạm và có thể là định hướng cho hoạt động ngân hàng trong thời gian tới. Trong trường hợp tín dụng vẫn tiếp tục tăng trưởng chậm, thì nguồn thu từ hoạt động phi tín dụng sẽ "cứu cánh" cho các ngân hàng trong việc hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đề ra vào cuối năm. Thực tế cho thấy, các hoạt động phi tín dụng đặc biệt là mảng thẻ, bancassurance đã góp phần giúp ACB đạt gần 50% lợi nhuận kế hoạch cả năm, VCB, HDB và TPB cũng có các nguồn thu nhập ngoài lãi ổn định giúp các nhà băng này đạt lợi nhuận trước thuế tương đương 50% kế hoạch năm [10].

4. Chính sách đề xuất

Bước sang "trạng thái bình thường mới", nền kinh tế Việt Nam đang từng bước khôi phục đi đôi với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong cộng đồng. Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có những hành động kịp thời, cụ thể để hỗ trợ các doanh nghiệp trong lúc khó khăn,

[10] https://vietnambiz.vn/bat-chap-covid-19-loi-nhuan-6-thang-nhieu-ngan-hang-van-co-the-vuot-cung-ki-nam-2019-20200619235750569.htm

tuy nhiên những nỗ lực này chưa đem lại kết quả như mong đợi. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang có nguy cơ bùng phát lần 2 trên thế giới. Để nền kinh tế Việt Nam không rơi vào khủng hoảng, chính phủ, hệ thống ngân hàng cần có những biện pháp chủ động hơn nữa. Trên cơ sở đó, phần cuối của bài viết sẽ đưa ra các khuyến nghị cho Chính phủ, NHNN cũng như các NHTM.

4.1. Đối với Chính phủ, NHNN

a. Về chính sách tiền tệ:

Thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt. Trong bối cảnh lãi suất cho vay của các ngân hàng dù được điều chỉnh giảm liên tục nhưng chưa đạt được sự kỳ vọng của người đi vay trong đại dịch Covid-19, NHNN nên xem xét có cần tiết phải tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nợ lỏng nữa hay không. Hiệu quả của chính sách lãi suất phụ thuộc vào khả năng hấp thụ vốn của hệ thống ngân hàng và của thị trường. Do đó, cần tiếp tục chủ động và linh hoạt trong điều hành các công cụ chính sách tiền tệ. NHNN có thể sẽ không chỉ đạo các NHTM giảm lãi suất nữa mà phải đề nghị các TCTD có phương án làm thế nào để giảm chi phí, thậm chí giảm lương để có thể hỗ trợ được khách hàng, doanh nghiệp. Tránh để việc giảm lãi suất trở nên kém hiệu quả, đưa nền kinh tế rơi vào *bẫy thanh khoản.* Ở Việt Nam, do những đặc điểm riêng biệt của hệ thống tiền tệ, việc hạ lãi suất điều hành cũng chỉ mang tính hành chính, biểu trưng và ít tác động đến thị trường. Việc sử dụng chính sách tiền tệ nới lỏng hay thắt chặt chủ yếu phụ thuộc vào việc nâng hay hạ hạn mức tăng trưởng tín dụng. Như vậy, Việt Nam nên thận trong với trào lưu nới lỏng tiền tệ đang được thực hiện trên thế giới. Nhưng dù thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng hay thắt chặt thì cũng phải gắn với hai tiêu chí sau:

(1) *Ưu tiên mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong các ngành chủ lực.* Việc hạ lãi suất nhưng buộc các NHTM phải đảm bảo chất lượng tín dụng cũng gây khó khăn cho tăng trưởng tín dụng. Dựa vào tốc độ tăng trưởng của 6 tháng đầu năm 2020, cho thấy mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9%-14% đặt ra cho năm 2020 khó có thể đạt được. Vì vậy, thay vì chỉ theo đuổi mục tiêu chung của tăng trưởng tín dụng, cần đặt ra mục tiêu hỗ trợ cho các ngành ưu tiên như công nghiệp chế biến, chế tạo, xuất khẩu, thương mại,… do những ngành này có tỷ trọng lớn trong cơ cấu cho vay của ngành ngân hàng, tránh việc dàn trải, thiếu tập trung. Những doanh nghiệp này phục hồi nhanh sẽ giúp nâng đỡ nền kinh tế và từ đó tác động lan tỏa để các doanh nghiệp khác phục hồi.

(2) *Đảm bảo các yêu cầu cho vay an toàn*. NHNN cũng cần điều chỉnh tăng hạn mức tín dụng đối với một số NHTM đảm bảo cho vay an toàn, nghiên cứu sẽ tiến tới bỏ hạn mức tín dụng vào thời điểm phù hợp đối với các NHTM đã đáp ứng được tiêu chuẩn Basel II, có tỷ lệ nợ xấu dưới 2%. Việc điều chỉnh này cũng cần phải đi cùng với việc kiểm soát được rủi ro và phân loại tùy theo mức độ rủi ro của từng ngân hàng, không nên tiến hành đồng loạt gây ra tâm lý ỷ lại của các ngân hàng, có thể làm tăng các khoản vay có rủi ro nhiều hơn. Đồng thời, cũng cần phải giám sát việc tái cấu trúc, gia hạn nợ nhất là trong bối cảnh có một số ngân hàng đã có nợ xấu vượt mức quy định cho phép (3%).

b. Về chính sách tài khóa: Thực tế cho thấy kể từ khi NHNN triển khai Thông tư 01/2020/TT-NHNN, các doanh nghiệp, đặc biệt là các SMEs vẫn khó tiếp cận các gói hỗ trợ tín dụng từ phía ngân hàng do không đảm bảo được các yêu cầu đặt ra. Trong bối cảnh nền kinh tế đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19, việc chỉ cung cấp thanh khoản đơn thuần và cắt giảm lãi suất như

hiện nay có thể không đem lại nhiều tác động như mong muốn. Do đó, vai trò quan trọng nhất của NHNN hiện nay là hỗ trợ cho các chương trình kích thích kinh tế của chính phủ. Cụ thể là thực hiện tiền tệ hóa thâm hụt ngân sách của chính phủ thông qua hai hình thức:

- NHNN mua trái phiếu chính phủ trên thị trường sơ cấp rồi bán lại trên thị trường thứ cấp (tiền tệ hóa thâm hụt tạm thời) hoặc xóa nợ cho chính phủ (tiền tệ hóa thâm hụt vĩnh viễn). Hình thức này được ưu tiên trong điều kiện nhu cầu ngân sách lớn, dẫn đến việc lãi suất tăng cao.
- NHNN mua trái phiếu chính phủ của các nhà đầu tư trên thị trường thứ cấp để tài trợ cho thâm hụt ngân sách (hình thức gián tiếp), sau đó các nhà đầu tư sử dụng tiền từ giao dịch này để mua trái phiếu chính phủ trên thị trường sơ cấp. Hình thức này được cho là phù hợp với luật Ngân sách nhà nước cũng như luật NHNN và có thể là lựa chọn ưu tiên với điều kiện lãi suất không quá cao trên thị trường thứ cấp.

Lựa chọn này có thể là cứu cánh tạm thời nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro đi kèm: gia tăng lạm phát, giảm giá trị đồng nội tệ. Tuy nhiên, trong những thời điểm đặc biệt như hiện nay, đòi hỏi phải có các chính sách đặc biệt và tiền tệ hóa thâm hụt ngân sách là một trong số đó.

c. Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

Thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp qua hệ thống NHTM đi kèm với các chương trình bảo lãnh tín dụng. NHNN nên tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua các NHTM để đảm bảo các khoản hỗ trợ được sử dụng hiệu quả nhất, hạn chế nợ xấu phát sinh ở mức thấp nhất khi cho vay. Tuy nhiên, như đã đề cập đến phần trước, cho vay qua kênh ngân hàng có hạn chế là các SMEs và các hộ gia đình khó có thể tiếp cận nhưng đây là những đối tượng bị tổn thương lớn vì Covid-19. Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ có thể thực hiện chương trình bảo lãnh tín dụng của Nhà nước, đóng vai trò tương tự như đảm bảo tiền gửi và người cho vay cuối cùng.

Phân loại doanh nghiệp có thể hoạt động liên tục để hỗ trợ. Một điều cần lưu ý thêm, do nguồn lực hỗ trợ là giới hạn, NHNN nên tiếp tục hướng dòng vốn tín dụng của các NHTM đến các lĩnh vực ưu tiêu của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ. Như đã đề cập, ngành công nghiệp chế biến – chế tạo, xuất khẩu bị ảnh hưởng nặng nề do gián đoạn chuỗi cung ứng, ngành du lịch, dịch vụ lưu trú có thể có tốc độ phục hồi chậm vì phụ thuộc nhiều vào sự phục hồi của kinh tế thế giới, cầu hàng hóa và dịch vụ, ngành bán lẻ cũng phụ thuộc vào nhu cầu nội địa có phục hồi sau dịch hay không.

Tích cực kết nối ngân hàng và doanh nghiệp. Chính phủ cũng cần tăng cường mở các hội nghị, tổ chức các diễn đàn kết nối ngân hàng – doanh nghiệp để góp phần khơi thông dòng vốn tín dụng. Tuy nhiên, theo các chuyên gia phân tích, để mở rộng tín dụng an toàn cho nền kinh tế giai đoạn hậu Covid-19, Chính phủ, các bộ ngành và các địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn của dịch Covid-19 về thuế, về gói an sinh xã hội, về thủ tục hành chính, về đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công.

Chia sẻ khó khăn với các NHTM – loại hình doanh nghiệp đặc biệt. Cuối cùng, ngân hàng cũng là doanh nghiệp và đang gián tiếp chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19, do đó việc xem xét giản thuế cho các NHTM sẽ tạo dư địa lớn hơn cho các đối tượng tiếp tục chia sẻ khó khăn

với các doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên việc này có thể xếp sau ưu tiên giảm, giãn thuế cho các doanh nghiệp vì sức khỏe của các ngân hàng vẫn còn tương đối tốt.

4.2. Đối với NHTM

Mặc dù NHTM Việt Nam hiện tại ở vị thế tốt hơn trong việc đối phó với đại dịch Covid-19 so với cuộc khủng hoản tài chính trước kia. Tuy nhiên, các yếu tố bên ngoài luôn bất định, khó lường, nếu ngân hàng không có khả năng tự chủ thì sẽ phải luôn chống đỡ, ở thế bị động. Có thể nói, dịch bệnh Covid-19 lại là cơ hội để các NHTM thấy được các điểm yếu của mình. Trong điều kiện dịch bệnh kéo dài, hoặc làng sóng Covid-19 thứ 2 sẽ diễn ra, ngân hàng sẽ không tránh khỏi các tác động sau:

- Thu nhập lãi thuần sẽ tiếp tục tăng chậm, hoặc thậm chí giảm do suy giảm nhu cầu tín dụng, cùng với yêu cầu khắt khe về đảm bảo chất lượng tín dụng của NHNN, nên các NHTM có thể không cho vay (hoặc không tìm được) khách hàng mới mà tích cực ưu tiên tái cấu trúc và gia hạn nợ.

- Biên lãi ròng tiếp tục bị nén lại vì lãi suất vẫn ở mức thấp và thậm chí có thể giảm nhẹ. Bất kỳ sự gia tăng khối lượng vay có thể bị bù trừ bởi tổn thất trong danh mục tín dụng.

- Thu nhập ngoài lãi dù có những biểu hiện tín cực nhưng đang bị đe dọa bởi sự suy giảm chi tiêu, tiêu dùng trong các doanh nghiệp bán lẻ, giảm tài sản trong bộ phận quản lý tài sản, cũng như sự chậm lại trong các hoạt động đầu tư kể cả khi chính phủ dần nới lỏng cách ly.

- Tổn thất tín dụng sẽ tiếp tục hiện hữu ở các doanh nghiệp trong ngành chủ chốt, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh dễ dàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch, trong đó ngành du lịch, giải trí, ăn uống sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất khi có lệnh "cách ly xã hội" lần hai.

- Ngân hàng sẽ phải tăng chi phí thiết lập khi áp dụng các chương trình làm việc tại nhà cho nhân viên hay các chương trình làm việc luân phiên tại các khối vận hành. Đồng thời, cũng tăng cao các rủi ro gian lận.

- Cuối cùng, cắt giảm nhân sự để tối thiểu hóa chi phí là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên có thực sự giảm chi phí hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng suất lao động của nhân viên.

Do vậy, các NHTM nên:

Áp dụng các công cụ kiểm tra và theo dõi liên tục, chặt chẽ. Các ngân hàng có thể tận dụng các khung kiểm tra sức chịu đựng hiện hữu, chẳng hạn khung cơ sở hạ tầng và an toàn vốn. Xây dựng các kịch bản dựa trên sự lây lan của dịch Covid-19 tiềm tàng và phản ứng của con người. Tuy nhiên cũng cần xây dựng các kịch bản cho tăng trưởng tín dụng trở lại: lựa chọn các ngành hàng, khách hàng nào để tập trung phát triển, đa dạng hóa danh mục đầu tư … chẳng hạn đối với các ngành đang bị "nén" lại trong đại dịch như du lịch, nhà hàng, khách sạn có thể được "bung ra" sau khi dịch được kiểm soát.

Tiếp tục mở rộng các hoạt động phi tín dụng để tạo nguồn thu song song với các hoạt động tín dụng. Dịch bệnh Covid-19 cũng đã thay đổi nhận thức và hành vi sử dụng công nghệ, thói quen dùng tiền mặt của người dân và doanh nghiệp. Đó là cơ hội để NHTM triển khai và đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng điện tử, ví điện tử,… giúp các ngân hàng tăng tỷ trọng của hoạt động phi tín dụng.

Đặc biệt, các NHTM kiên quyết không được hạ chuẩn tín dụng, nới lỏng các điều kiện cho vay, bởi nếu chạy theo mục tiêu thu lãi thuần trong ngắn hạn sẽ tiềm ẩn nợ xấu về sau, phải trích lập dự phòng rủi ro tín dụng lớn hơn, lợi nhuận giảm.